

Số: 18 /QĐ-KSBT

Ninh Bình, ngày 30 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách Q4 năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ tình hình thực hiện Dự toán thu - chi NSNN Q4/2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi NSNN Q4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Ninh Bình (có biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và các khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Ban giám đốc;
- Các khoa phòng;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu VT, TCKT.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Hoàng Nam**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của BTC

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Ninh Bình

Chương: 423-523

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 30 tháng 01 Năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH Q4 NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán năm | Ước thực hiện quý/6 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 6 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                           | 3           | 4                             | 5                                   | 6                                                          |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | 6.406       | 4.625                         | 48%                                 |                                                            |
| I     | Số thu phí, lệ phí                          | 9.680       | 4.625                         | 48%                                 |                                                            |
| 2     | Hoạt động sx kinh doanh                     | 9.680       | 4.625                         | 48%                                 |                                                            |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại            | 9.680       | 4.625                         | 48%                                 |                                                            |
| 1     | Chi sự nghiệp                               | 9.680       | 4.625                         | 48%                                 |                                                            |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | 9.680       | 4.625                         | 48%                                 |                                                            |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        |             |                               |                                     |                                                            |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước       | -           | -                             |                                     |                                                            |
| 2     | Phí                                         |             |                               |                                     |                                                            |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 175.438     | 31.686                        | 18%                                 |                                                            |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                  | 175.438     | 31.686                        | 18%                                 |                                                            |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình      | 175.438     | 31.686                        | 18%                                 |                                                            |
| 4.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | 68.653      | 18.124                        | 26%                                 |                                                            |
| 4.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 106.785     | 13.562                        | 13%                                 |                                                            |

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Lê Hoàng Nam